

Bản án số: 220/2022/HN-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v “*Yêu cầu không công nhận là vợ chồng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Sáng;

2. Bà Bùi Thị Tuyết Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2022/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022, về việc: “*Yêu cầu không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn:

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; Nơi cư trú: ấp A T, xã L T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Chị Trần Thị Thúy D, sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp T L, xã V T, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

(Anh T, chị D có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/7/2022, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải, nguyên đơn anh T trình bày:

Anh và chị Trần Thị Thúy D tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2017 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá

trình chung sống, cuộc sống hạnh phúc đến tháng 10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng nhau trong việc làm ăn kinh tế, mẹ vợ khó khăn, dần dần làm cho anh và chị D cãi nhau, cả hai không còn quan tâm đến nhau; từ đó anh và chị D đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm và không muốn sống chung với chị D nên yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị D là vợ chồng. Anh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Kim N, sinh ngày 06/07/2019 và Trần Minh Q, sinh ngày 28/07/2020, hiện hai con đang sống cùng chị D. Sau khi ly hôn, anh T đồng ý giao quyền nuôi hai con chung lại cho chị D và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo Văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải, bị đơn chị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về điều kiện, thời gian chung sống với nhau; còn về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T không lo được cho vợ con, còn có thái độ, hành động không tốt với mẹ chị, khi vợ chồng làm kinh tế thì anh T giấu tiền riêng đem về nhà mẹ anh nên hai vợ chồng mới có mâu thuẫn. Nay chị và anh T không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, tình cảm đối với nhau không còn nên chị đồng ý không công nhận chị và anh T là vợ chồng. Chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Kim N, sinh ngày 06/07/2019 và Trần Minh Q, sinh ngày 28/07/2020, hiện hai con đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, bị đơn chị Trần Thị Thúy D có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T và chị D là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Mặc dù từ năm 2017 đến nay anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, thế nhưng đến

nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn nên căn cứ theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì anh T và chị D không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo anh Tâm, quá trình chung sống hạnh phúc đến năm tháng 10/2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Anh T và chị D đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay. Nay anh T xác định tình cảm không còn nên yêu cầu không công nhận anh với chị D là vợ chồng.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T và chị D thực tế là có xảy ra và giữa hai người có thời gian sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay, với khoảng thời gian trên cũng đủ cho anh, chị suy nghĩ lại tình cảm thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa anh T và chị D là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình giải quyết vụ án, anh T vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị D là vợ chồng và chị D cũng đồng ý không công nhận chị và anh T là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận anh T với chị D là vợ chồng là phù hợp theo quy định tại điểm c mục 3 Nghị quyết 35/2010/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Kim N, sinh ngày 06/07/2019 và Trần Minh Q, sinh ngày 28/07/2020, hiện hai con đang sống cùng chị D. Xét chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và anh T cũng đồng ý giao quyền trực tiếp nuôi con chung lại cho chị D. Xét thấy sự thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

Ghi nhận chị D không yêu cầu anh Tâm cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của anh Nguyễn Văn T đối với chị Trần Thị Thúy D. Cụ thể tuyên:

Không công nhận anh Nguyễn Văn T với chị Trần Thị Thúy D là vợ chồng. Ghi nhận anh T và chị D không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Thúy D được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Ngọc Kim N, sinh ngày 06/07/2019 và Trần Minh Q, sinh ngày 28/07/2020. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh Tâm cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

4/. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008354 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Anh T đã nộp đủ án phí.

5/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Đức